

IEEP Student Progress Record

International Training & Education Center
 Nguyen Van Cu St., Dist. 5, HCM 227
 25 36 30 8 (8 84)
 www.itec.hcmuns.edu.vn

LECTURER: MS. LAURA

CLASS: EAP

STARTING DATE:

10/10/2016

No	Student ID	NAME		FINAL TEST							ATTENDANCE		FINAL GRADE					NEXT LEVEL
				Listening/ 30	Grammar / 30	Reading / 20	Vocabular y / 35	Writing / 20	Speaking / 20	Total	Absent	Late	Classwork (30%)	Midterm (20%)	Participation (10%)	Final Test (40%)	Total	
1	1659002	TRẦN BẢO	ANH	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0%	17	3	61.5	64.1	75	0	39	EAP
2	1459006	DOÃN LÊ THANH	BẢO	12.0	9.0	12.0	18.5	15.5		43%	11	8	71	51.1	75	43	56	EAP
3	1559010	HOÀNG MINH	DŨNG	19.0	21.0	15.0	24.0	17.0	16.5	73%	5	5	76.5	73	80	73	75	IELTS 1
4	1559006	MAI DUY	DŨNG	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0%	11	1	54	85.2	90	0	42	EAP- A.P.
5	1659011	LÊ MINH	HIẾU	19.0	21.0	18.0	30.5	18.0	16.5	79%	3	0	76.5	70.7	80	79	77	IELTS 1
6	1559025	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	KIỆT	15.0	21.0	17.0	30.0	18.0	17.0	76%	2	0	92.5	77.4	87.5	76	82	IELTS 1
7	1658009	ĐỖ YẾN	LINH	17.0	22.0	16.5	31.0	19.0	19.5	81%	1	3	75.5	70	92.5	81	78	IELTS 1
8	1658012	LÊ HỒ MINH	MÃN	14.0	19.0	15.0	25.0	19.0	17.0	70%	6	8	43	67.8	80	70	62	IELTS 1- A.P.
9	1658013	VÕ TÚ	MINH	16.0	23.0	17.5	31.0	19.0	18.5	81%	1	0	79.5	80	92.5	81	82	IELTS 1
10	1558019	CAO BỘI	NGỌC	14.0	16.0	9.0	24.5	18.5	16.5	64%	5	1	75	67.4	87.5	64	70	IELTS 1
11	1559034	NHAN KIM	THẮNG	13.0	20.0	14.0	29.0	16.5	16.0	70%	5	3	79.5	67	80	70	73	IELTS 1
12	1658028	NGUYỄN QUỐC	THIỆN	18.0	17.0	18.5	25.0	16.0	18.5	73%	1	6	56.5	67	82.5	73	68	IELTS 1- A.P.
13	1558032	TRẦN THẢO ANH	THU'	18.0	22.0	16.0	22.5	18.5	17.5	76%	5	16	48.5	79.6	87.5	76	70	IELTS 1- A.P.
14	1658020	VƯƠNG NGUYỄN HOÀNG	TRANG	13.0	23.5	16.0	28.5	17.5	19.0	76%	7	21	58	68.9	80	76	70	IELTS 1- A.P.
15	1659032	PHAN HUỲNH ĐỨC	TRUNG	22.0	23.0	14.0	28.5	16.5	19.5	80%	4	12	79	79.6	87.5	80	80	IELTS 1
16	1658021	NGUYỄN TRỊNH KIÊN	TRƯỜNG	20.0	19.5	17.0	29.0	17.0	19.5	79%	1	2	63.5	77	90	79	75	IELTS 1
17	1558043	VÕ NGUYỄN THÚY	VY	17.0	18.5	14.0	21.5	17.5	16.5	68%	6	13	66	54.5	87.5	68	67	IELTS 1- A.P.
18	1558016	THI TÚ	MI	13.0	19.5	11.0	16.0	15.5	16.5	59%	8	6	55.5	68.9	75	59	62	EAP - A.P.